4. HĐ sáng tạo (1p)	- Tìm x thoả mãn các điều kiện: + 10 < X < 30 và X là số chia hết cho cả 3 và 5 + 12< X< 20 và X là số vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 3.

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

:.....

.....

.....

.....

TẬP LÀM VĂN

LUYỆN TẬP MIÊU TẢ CÁC BỘ PHẬN CỦA CON VẬT

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nhận biết được những nét tả bộ phận chính của một con vật trong đoạn văn (BT1, BT2); quan sát các bộ phận của con vật em yêu thích và bước đầu tìm được những từ ngữ miêu tả thích hợp (BT3).

2. Kĩ năng

- Có kĩ năng dùng từ, đặt câu để miêu tả các bộ phận của con vật bằng lời văn miêu tả của mình.

3. Thái độ

- Có ý thức học tập tích cực, nghiêm túc

4. Góp phần phát triển NL:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Tranh ảnh về môt số con vật
- HS: Vở, bút, ...

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập - thực hành
- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:(*5p)* - *GV* dẫn vào bài học	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. HĐ thực hành *(30p)* *** Mục tiêu:** Nhận biết được những nét tả bộ phận chính của một con vật trong	

đoạn văn (BT1, BT2); quan sát các bộ phận của con vật em yêu thích và bước đầu tìm được những từ ngữ miêu tả thích hợp (BT3). HS biết miêu tả các bộ phận của con vật bằng lời văn miêu tả của mình *** Cách tiến hành: Cá nhân- Lớp**	
Bài tập 1, 2: - Gọi HS đọc yêu cầu của BT - GV nhận xét + chốt lại lời giải đúng. **- GV:** ***Để miêu tả được con ngựa một cách chân thực như vậy đòi hỏi tác giả phải quan sát rất kĩ những đặc điểm ngoại hình của nó. Vì vậy, quan sát trong miêu tả là vô cùng quan trọng***	**Nhóm 2 – Lớp** - 1 HS đọc, lớp theo dõi trong SGK. - HS đọc kĩ đoạn Con ngựa *****Bộ phận được miêu tả:*** - Hai tai: To, dựng đứng trên cái đầu rất đẹp - Hai lỗ mũi: Ươn ướt, động đậy hoài - Hai hàm răng: Trắng muốt - Bờm: Được cái rất phẳng - Ngực: Nở - Bốn chân: Khi đứng cũng cứ dậm lộp cộp trên đất - Cái đuôi: Dài, ve vẩy hết sang phải lại sang trái - Lắng nghe
Bài tập 3 - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của BT. - GV treo ảnh một số con vật và YC HS làm việc cá nhân: ghi chép lại kết quả quan sát. * Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 hoàn thành bài tập. - Hs M3+M4 ghi chép lại kết quả quan sát tỉ mỉ, chi tiết. - Y/c dựa vào những gì quan sát được để nói một đoạn văn tả hình dáng con vật **3. HĐ ứng dụng** *(1p)* **4. HĐ sáng tạo** *(1p)*	**Cá nhân – Lớp** VD: Quan sát một con gà chọi. + Hai cẳng chân: cứng và lẳn như hai thanh sắt, phủ đầy những vẩy sáp vàng óng. + Đôi bắp đùi: chắc nịch, từng thớ thịt căng lên. + Lông: lơ thơ mấy chiếc quăn queo dưới bụng. + Đầu: to với đôi mắt dữ dằn + Cổ: bạnh. + Da: đỏ gay đỏ gắt, đỏ tía, đỏ bóng lên như có quết một nước sơn. - HS nói miệng - Hoàn thành bài quan sát - Từ kết quả quan sát, viết thành đoạn văn hoàn chỉnh tả hình dáng con vật

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

KHOA HỌC (VNEN)

NHU CẦU VỀ KHÔNG KHÍ, CHẤT KHOÁNG VÀ SỰ TĐC Ở THỰC VẬT (T1)

.....

.....

.....

KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

ĐỘNG VẬT CẦN GÌ ĐỂ SỐNG?

1. Kiến thức

- HS nêu được những yếu tố cần để duy trì sự sống của động vật như: nước, thức ăn, không khí, ánh sáng.

2. Kĩ năng

- Quan sát, so sánh và phán đoán các khả năng xảy ra với động vật khi được nuôi trong những điều kiện khác nhau.

3. Thái độ

- HS học tập nghiêm túc, tích cực.

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

** KNS: - Làm việc nhóm*

- Quan sát, so sánh và phán đoán các khả năng xảy ra với động vật khi được nuôi trong những điều kiện khác nhau.

**** GD BVMT:*** *Một số đặc điểm chính của môi trường và tài nguyên thiên nhiên*

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Tranh ảnh trang 124, 125 SGK.
- HS: Giấy khổ to và bút dạ.

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm.
- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt đông của giáo viên	Hoạt đông của của học sinh
1, Khởi động ***(2p)*** *+ Bạn hãy lên bảng vẽ và trình bày sơ đồ sự trao đổi khí ở thực vật?*	- TBHT điều khiển lớp trả lời, nhận xét *+ 2 HS lên bảng vẽ sơ đồ đơn giản và trình bày trên sơ đồ.*

+ Bạn hãy lên bảng vẽ và trình bày sơ đồ sự trao đổi thức ăn ở thực vật. - Giới thiệu bài, ghi bảng.	

2. Bài mới: *(30p)*

*** Mục tiêu:**

- Quan sát, so sánh và phán đoán các khả năng xảy ra với động vật khi được nuôi trong những điều kiện khác nhau.
- HS nêu được những yếu tố cần để duy trì sự sống của động vật như: nước, thức ăn, không khí, ánh sáng.

*** Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp**

***Hoạt động 1*: 1. Động vật cần gì để sống?** - Tổ chức cho HS tiến hành miêu tả, phân tích thí nghiệm theo nhóm 4.	**Nhóm 4 – Lớp** - HS quan sát 5 con chuột sau đó điền vào phiếu thảo luận.

PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM

Nhóm:.....

Bài**: Động vật cần gì để sống ?**

Chuột sống ở hộp số	*Điều kiện được cung cấp*	*Điều kiện còn thiếu*
1	Ánh sáng, nước, không khí	Thức ăn
2	Ánh sáng, không khí, thức ăn	Nước
3	Ánh sáng, nước, không khí, thức ăn	
4	Ánh sáng, nước, thức ăn	Không khí
5	Nước, không khí, thức ăn	Ánh sáng

sung. GV kẻ bảng thành cột và ghi nhanh lên bảng. *+ Con chuột nào được cung cấp đủ các điều kiện để sống và phát triển* - GV: ***Thí nghiệm các em đang phân***	*vì nắp hộp của nó được bịt kín, không khí không thể chui vào được.* *+ Con chuột số 5 thiếu ánh sáng vì chiếc hộp nuôi nó được đặt trong góc tối.* *+ Chỉ có con chuột trong hộp số 3 đã được cung cấp đầy đủ các điều kiện sống.*

tích giúp ta biết động vật cần gì để sống. Các con chuột trong hộp số 1, 2, 4, 5 gọi là con vật thực nghiệm, mỗi con vật đều lần lượt được cung cấp thiếu một yếu tố. Riêng con chuột trong hộp số 3 là con đối chứng, con này phải đảm bảo được cung cấp tất cả mọi điều kiện cần để cho nó sống thì thí nghiệm mới cho kết quả đúng. Vậy với những điều kiện nào thì động vật sống và phát triển bình thường? Thiếu một trong các điều kiện cần thì nó sẽ ra sao? Chúng ta cùng phân tích để biết.	- Lắng nghe.
HĐ2: Dự đoán kết quả thí nghiệm: - Yêu cầu: *Quan sát tiếp các con chuột và dự đoán xem các con chuột nào sẽ chết trước? Vì sao?*	**Nhóm 4 – Lớp** *+ Con chuột số 1 sẽ bị chết sau con chuột số 2 và số 4. Vì con chuột này không có thức ăn, chỉ có nước uống nên nó chỉ sống được một thời gian nhất định.* *+ Con chuột số 2 sẽ chết sau con chuột số 4, vì nó không có nước uống. Khi thức ăn hết, lượng nước trong thức ăn không đủ để nuôi dưỡng cơ thể, nó sẽ chết.* *+ Con chuột số 3 sống và phát triển bình thường.* *+ Con chuột số 4 sẽ chết trước tiên vì bị ngạt thở, đó là do chiếc hộp của nó bịt kín, không khí không thể vào được.* *+ Con chuột số 5 vẫn sống nhưng không khỏe mạnh, không có sức đề kháng vì nó không được tiếp xúc với ánh sáng.*
+ Động vật sống và phát triển bình thường cần phải có những điều kiện nào? - GV giảng: ***Động vật cần có đủ không khí, thức ăn, nước uống và ánh sáng thì mới tồn tại, phát triển bình thường. Không có không khí để thực hiện trao đổi khí, động vật sẽ chết ngay. Nước uống cũng đóng vai trò rất quan trọng đối với động vật. Nó chiếm tới 80 – 95% khối lượng cơ thể của sinh vật. Không có thức ăn***	*+ Để động vật sống và phát triển bình thường cần phải có đủ: không khí, nước uống, thức ăn, ánh sáng.* - Hs lắng nghe

động vật sẽ chết vì không có các chất hữu cơ lấy từ thức ăn để đi nuôi cơ thể. Thiếu ánh sáng động vật sẽ sống yếu ớt, mất dần một số khả năng có thể thích nghi với môi trường.	
3. Hoạt động ứng dụng (1p)	- Thực hành chăn nuôi với đủ các điều kiện sống của động vật
4. **Hoạt động sáng tạo** (1p)	

Thứ sáu ngày 4 tháng 4 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ NƠI CHỐN CHO CÂU

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Hiểu được tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu (trả lời CH Ở đâu?)

2. Kĩ năng

- Nhận biết được trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu (BT1, mục III); bước đầu biết thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu chưa có trạng ngữ (BT2); biết thêm những bộ phận cần thiết để hoàn chỉnh câu có trạng ngữ cho trước (BT3).

3. Thái độ

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Vở BT, bút dạ

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập - thực hành,...
- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
1. Khởi động *(2p)* *+ Trạng ngữ bổ sung ý nghĩa gì cho câu* *+ Đặt 1 câu có trạng ngữ và cho biết trạng ngữ đó bổ sung ý nghĩa gì cho câu* - GV giới thiệu - Dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét. + Bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích,...của sự việc nêu trong câu - HS thực hiện

2. Hình thành KT (15p)
*** Mục tiêu**: Hiểu được tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu
*** Cách tiến hành**

a. Nhận xét **Bài tập 1+ 2** - GV giao việc: + Xác định thành phần trạng ngữ trong các câu + Đặt câu hỏi cho trạng ngữ tìm được trong các câu đó. - GV nhận xét + chốt lại lời giải đúng: *+ Trạng ngữ vừa tìm được trong các câu trên bổ sung ý nghĩa gì cho câu?* *+ Trạng ngữ này trả lời cho câu hỏi gì?* ***- GV chốt: Các trạng ngữ đó gọi là các trạng ngữ chỉ nơi chốn*** ***b. Ghi nhớ:*** - Cho HS đọc ghi nhớ.	**Cá nhân – Lớp** <u>Đáp án:</u> a) *Trước nhà*, mấy cây hoa giấy nở tưng bừng. =>Mấy cây hoa giấy nở tưng bừng ***ở đâu?*** b) *Trên các hè phố, trước cổng các cơ quan, trên mặt đường nhựa, từ khắp năm cửa ô trở vào*, hoa sấu vẫn nở, vẫn vương vãi khắp thủ đô. => ***Ở đâu,*** hoa sấu vẫn nở, vẫn vương vãi khắp thủ đô? *+ Bổ sung ý nghĩa chỉ địa điểm, nơi chốn cho câu* *+ Trả lời cho câu hỏi Ở đâu?* - HS lắng nghe - 2 HS đọc ghi nhớ - Lấy VD về câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn

3. HĐ thực hành *(18p)*
*** Mục tiêu:** Nhận biết được trạng ngữ chỉ nơi chốn trong câu (BT1, mục III); bước đầu biết thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu chưa có trạng ngữ (BT2); biết thêm những bộ phận cần thiết để hoàn chỉnh câu có trạng ngữ cho trước (BT3).
*** Cách tiến hành:**

Bài tập 1: Tìm trạng ngữ… - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của BT. - GV nhận xét + chốt lại lời giải đúng. *+ Đặt câu hỏi cho các trạng ngữ tìm được ở BT 1* **Bài tập 2:** - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của BT.	**Cá nhân – Chia sẻ lớp** <u>Đáp án:</u> + *Trước rạp,* người ta dọn dẹp sạch sẽ, sắp một hàng ghế dài. + *Trên bờ*, tiếng trống càng thúc dữ dội. + *Dưới các mái nhà ẩm nước,* mọi người vẫn thu mình trong giấc ngủ mệt mỏi. - HS nối tiếp đặt câu **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp** <u>Đáp án:</u> a) *Ở nhà,* em giúp bố mẹ làm những công

- GV giao việc: Thêm **trạng ngữ chỉ nơi chốn** cho câu. - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng: **Bài tập 3:** ***Có thể tổ chức trò chơi Tiếp sức giữa các thành viên trong tổ*** - GV nhận xét, chữa bài, khen/ động viên. - Tuyên dương nhóm thắng cuộc * Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 biết cách thêm trạng ngữ cho câu. HS M3+M4 biết thêm trạng ngữ và đặt câu giàu hình ảnh nhân hóa, so sánh,.. **4. HĐ ứng dụng** *(1p)* **5. HĐ sáng tạo** *(1p)*	việc gia đình. b) *Ở lớp,* em rất chăm chú nghe giảng và hăng hái phát biểu. c) *Ngoài vườn,* hoa đã nở. **Nhóm – Lớp** <u>Đáp án:</u> + Ngoài đường, *mọi người đi lại tấp nập.* + Trong nhà, *mọi người đang nói chuyện vui vẻ.* + Trên đường đến trường, *em gặp bác em.* + Ở bên kia sườn núi, *hoa nở trắng cả một vùng.* - Thực hành tìm trạng ngữ chỉ nơi chốn trong bài tập đọc Đường đi Sa Pa - Đặt câu có 3 trạng ngữ chỉ nơi chốn

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

<u>TOÁN</u>

Tiết 155: ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN

<u>I. MỤC TIÊU</u>

1. Kiến thức

- Ôn tập kiến thức về phép cộng, phép trừ số tự nhiên

2. Kĩ năng

- Biết đặt tính và thực hiện cộng, trừ các số tự nhiên.
- Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính thuận tiện.
- Giải được bài toán liên quan đến phép cộng và phép trừ.

3. Thái độ

- Tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập

4. Góp phần phát triển các NL

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

* Bài tập cần làm: Bài 1 (dòng 1, 2), bài 2, bài 4 (dòng 1), bài 5. KK HS năng khiếu hoàn thành tất cả các bài tập.

<u>II. CHUẨN BỊ:</u>

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, luyện tập-thực hành
- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1.Khởi động:*(3p)* - GV dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận đông tại chỗ
2. HĐ thực hành (35p) *** Mục tiêu:** - Biết đặt tính và thực hiện cộng, trừ các số tự nhiên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính thuận tiện. - Giải được bài toán liên quan đến phép cộng và phép trừ. *** Cách tiến hành:**	
Bài 1(dòng 1, 2 – HS năng khiếu hoàn thành cả bài): - Chữa bài, chốt đáp số - Củng cố cách đặt tính và thực hiện các phép tính với số tự nhiên. * Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2	**Cá nhân – Lớp** Đáp án: a. 6195 + 2785 = 8980 47836 + 5409 = 53245 10592 + 79438 = 90030 b. 5342 – 4185 =1157 29041 – 5987= 23054 80200 – 19194 = 61006
Bài 2 - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS - Chốt đáp án, cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính	Đáp án: a) x + 126 = 480 x = 480 – 126 x = 354 b) x – 209 = 435 x = 435 + 209 x = 644
Bài 4 (dòng 1 – Hs năng khiếu hoàn thành cả bài) - **Lưu ý**: HS áp dụng tính chất đã học của phép cộng các số tự nhiên để thực hiện tính theo cách thuận tiện. - GV chữa bài, khi chữa yêu cầu HS nói rõ em em đã áp dụng tính chất nào để tính.	**Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp** Đáp án: a). 1268 + 99 + 501 = 1268 + (99 + 501) = 1268 + 600 = 1868 (Áp dụng tính chất kết hợp của phép cộng.) b). 121 + 85 + 115 + 469 = (121 + 469) + (85 + 115) = 590 + 200 = 790 (Áp dụng tính chất giao hoán của phép cộng để đổi chỗ các số hạng, sau đó áp dụng tính chất kết hợp của phép cộng để tính.)
Bài 5	***Cá nhân – Lớp***

- Chữa bài và nhận xét chung.	Bài giải Trường Tiểu học Thắng Lợi quyên góp được số vở là: 1475 – 184 = 1291 (quyển) Cả hai trường quyên góp được số vở là: 1475 + 1291 = 2766 (quyển) Đáp số: 2766 quyển
Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm) - Củng cố một số tính chất của phép cộng và phép trừ STN **3. HĐ ứng dụng** *(1p)* **4. HĐ sáng tạo** *(1p)*	**Bài 3:** a + b = b + a a – 0 = a (a + b) + c = a + (b + c) a – a = 0 a + 0 = 0 + a = a - Chữa lại các phần bài tập làm sai - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

TẬP LÀM VĂN

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nhận biết được đoạn văn và ý chính của từng đoạn trong bài văn tả con chuồn chuồn nước (BT1)

2. Kĩ năng

- Sắp xếp được các câu thành một đoạn văn có bố cục hợp lí (BT2)
- Bước đầu viết được một đoạn văn có câu mở đầu cho sẵn (BT3).

3. Thái độ

- HS có ý thức tham gia tích cực các hoạt động học tập

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL hợp tác

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Tranh ảnh gà trống, chim gáy
- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kĩ thuât

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.